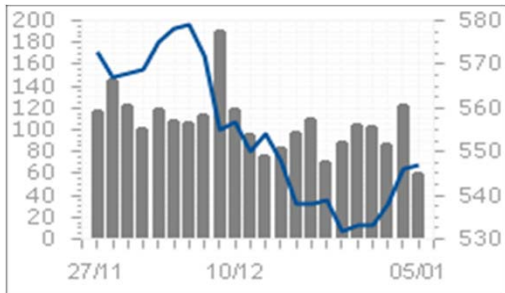


## HOSE 05/01/2015

VNINDEX	544.45	-1.18	-0.22%
KLGD	95,949,953	CP	
GTGD	1,484.84	Tỷ	
GTR NDTNN	14.80	Tỷ	
CP Tăng giá	108	CP	
CP Giảm giá	92	CP	
CP Đứng giá	104	CP	

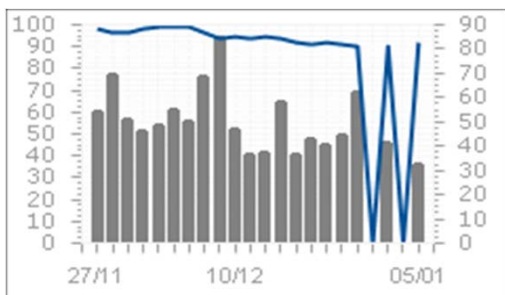


## Tâm điểm

- **Phiên giao dịch đầu tiên của năm 2015 khép lại trong sắc đỏ**
- **Thanh khoản sụt giảm mạnh khi các chỉ số tiến đến ngưỡng kháng cự**  
 NĐT NN tiếp tục mua ròng trên cả 2 sàn, nhưng giá trị mua ròng giảm mạnh
- **GDP tăng trưởng vượt dự báo: “Quả ngọt” từ những nỗ lực vượt khó?**  
 Mức tăng trưởng nhờ vào xuất khẩu có vốn đầu tư nước ngoài  
 Gafin
- **PMI sản xuất tháng 12/2014 tăng mạnh nhất 8 tháng**  
 Chỉ số Nhà quản trị mua hàng Việt Nam tháng 12 đạt 52,7 điểm  
 HSBC
- **ECB đánh tín hiệu sẽ thực hiện QE quy mô lớn**  
 Đề giải quyết tình trạng giảm phát trong khu vực  
 Bloomberg
- **VCB xử lý tốt nợ xấu, tăng trưởng 2014 cao**  
 Theo báo cáo sơ bộ cuối năm tỷ lệ nợ xấu về mức 2,3%  
 VCB
- **MBB lần đầu được Fitch xếp hạng tín nhiệm ở mức “B”, triển vọng “ổn định”**  
 Theo Fitch MBB có phương pháp phân loại nợ nghiêm ngặt  
 DVO

## HNX 05/1/2015

HNXINDEX	82.74	-0.24	-0.29%
KLGD	52,917,192	CP	
GTGD	703.61	Tỷ	
GTR NDTNN	6.29	Tỷ	
CP Tăng giá	85	CP	
CP Giảm giá	111	CP	
CP Đứng giá	183	CP	



## Thị trường / Ngành

### Theo thị trường

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	985,939	13.3	2.6	17.9%	9.2%
HNX	138,557	13.4	1.8	8.9%	4.2%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,124,496</b>	<b>13.7</b>	<b>2.6</b>	<b>17.8%</b>	<b>8.8%</b>

### Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	6,894	6.7	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,534	9.3	1.5	17.0%	10.7%
Thép và sản phẩm thép	36,971	12.6	1.9	22.6%	10.8%
Khai khoáng	12,283	88.0	6.3	-4.3%	-3.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,615	14.0	1.5	13.8%	7.6%
Xây dựng	31,047	29.9	1.1	1.4%	2.3%
Máy công nghiệp	8,735	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,443	8.3	1.5	18.6%	13.6%
Lốp xe	8,261	10.6	2.8	25.5%	11.0%
Nuôi trồng nông & hải sản	23,251	10.9	2.1	22.5%	7.6%
Thực phẩm	184,566	23.7	4.4	18.3%	14.1%
Dược phẩm	15,847	12.6	2.9	22.4%	14.8%
Phần mềm	16,805	10.0	2.1	21.7%	9.0%
Sản xuất & phân phối điện	29,972	10.4	1.5	15.7%	7.3%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	139,454	11.4	3.7	32.3%	21.9%
Bảo hiểm nhân thọ	21,775	17.3	1.8	10.4%	2.2%
Môi giới chứng khoán	25,677	11.0	1.4	11.0%	7.4%
Ngân hàng	246,801	11.7	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản	157,979	15.5	2.5	17.6%	4.5%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,055	7.7	1.6	22.0%	9.3%

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	599.69	-1.97	-0.33%
HNX30	161.32	0.50	0.31%

## Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**GDP tăng trưởng vượt dự báo: “Quả ngọt” từ những nỗ lực vượt khó?**

**PMI sản xuất tháng 12/2014 tăng mạnh nhất 8 tháng**

**ECB đánh tín hiệu sẽ thực hiện QE quy mô lớn**

Trịnh Thị Thu Phương

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**VCB xử lý tốt nợ xấu, tăng trưởng 2014 cao**

**MBB lần đầu được Fitch xếp hạng tín nhiệm ở mức “B”, triển vọng “ổn định”**

**Tôn Hoa Sen đạt mục tiêu lãi sau thuế 450 tỷ đồng niên độ 2014-2015**

## ► Tin kinh tế

Với mức tăng 5,98%, năm 2014 không chỉ là năm đầu tiên trong Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, Việt Nam đạt mục tiêu tăng trưởng đề ra, mà còn vượt mọi dự báo. Trước đó, GDP được dự báo khó đạt được mục tiêu đề ra và chỉ có thể đạt khoảng 5,4 - 5,5%. Ông Trần Đình Thiên - Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam cho hay: "Mức tăng trưởng của Việt Nam phần lớn nhờ vào xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Có nhiều dấu hiệu cho thấy nền kinh tế đã dần ấm lên, mặc dù tăng trưởng vẫn còn khá mong manh".

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng Việt Nam tháng 12 do ngân hàng HSBC công bố đạt 52,7 điểm trong tháng 12, cao nhất kể từ tháng 4/2014. Tăng trưởng đã được ghi nhận trong 16 tháng liên tiếp. Mức cao hơn 50 điểm cho thấy sản xuất được mở rộng. Theo HSBC: "Hoạt động sản xuất của Việt Nam gia tăng hoàn toàn tương phản với tình trạng suy giảm ở những nơi khác. Nhu cầu đối với hàng hóa của Việt Nam đã tăng cả ở trong nước và nước ngoài. Chúng tôi tin rằng lĩnh vực sản xuất sẽ được hưởng lợi từ cả mức độ cạnh tranh về chi phí nhân công và giá cả đầu vào thấp bắt nguồn từ sự sụt giảm giá dầu trên toàn cầu. Chúng tôi kỳ vọng sản lượng tiếp tục tăng trong những tháng tới mặc dù có sự chậm lại đôi chút trong mùa Tết nguyên đán".

Phát biểu với phóng viên của tờ Handelsblatt (Đức), chủ tịch Mario Draghi cho biết, rất có thể Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) sẽ khởi động chương trình mua trái phiếu chính phủ quy mô lớn hay gói nới lỏng định lượng (QE), nhằm giải quyết tình trạng giảm phát trong khu vực. Phát biểu này được đưa ra trong bối cảnh nhiều chuyên gia kinh tế cảnh báo, đà lao dốc nhanh chóng của giá dầu sẽ đẩy khu vực đồng euro vào giảm phát sâu hơn. Theo dự báo, chỉ số giá tiêu dùng của Eurozone giảm 0,1% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 12 và đánh dấu tháng giảm đầu tiên kể từ năm 2009. QE dự kiến sẽ được thảo luận trong cuộc họp chính sách tiền tệ ngày 22/1 sắp tới.

## ► Tin doanh nghiệp

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (HOSE: Mã VCB) vừa chốt số liệu kinh doanh cơ bản nổi bật nhất là kết quả thu hồi nợ xấu. Cuối Quý 2/2014 tỷ lệ nợ xấu của VCB vượt mốc 3%, chiếm 3.09% tổng dư nợ. Tuy nhiên theo báo cáo sơ bộ cuối năm tỷ lệ nợ xấu về mức 2,3% với tỉ lệ trích lập dự phòng đạt mức cao. Lợi nhuận trước dự phòng tăng 12,4% so với năm 2013. Tốc độ này giúp ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro tới 4.535 tỷ đồng, tăng 29,2% so với số trích lập của năm 2013 và vẫn đảm bảo lợi nhuận trước thuế riêng lẻ 5.680 tỷ đồng, cao hơn năm trước và vượt kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao. Các hệ số an toàn, hiệu quả hoạt động của Vietcombank trong năm 2014 tiếp tục cải thiện, như ROE đạt khoảng 10,5%, ROA đạt khoảng 0,9%, CAR đạt khoảng 12%.

Fitch Ratings lần đầu thông báo xếp hạng tín nhiệm nhà phát hành nợ (IDR) dài hạn của Ngân hàng TMCP Quân đội (HOSE: MBB) ở mức “B” với triển vọng “ổn định” vào hôm Chủ Nhật (04/11). Đồng thời, Fitch cũng đánh giá xếp hạng khả năng sinh lời Viability Rating (VR) của MBB ở mức “b”. Theo Fitch, các chỉ báo về chất lượng tài sản của MBB cho thấy ngân hàng này có phương pháp phân loại nợ nghiêm ngặt hơn so với các ngân hàng khác. Tỷ lệ nợ xấu tính đến cuối tháng 6/2014 theo Thông tư 02 của MBB là 3.11%. Danh mục cho vay của ngân hàng cũng được đa dạng hóa ở nhiều lĩnh vực và có tỷ lệ đảm bảo cao. Fitch kỳ vọng MBB sẽ duy trì được tỷ lệ vốn hóa quanh các mức hiện tại trong bối cảnh tài sản của ngân hàng này tăng trưởng nhanh chóng nhờ khả năng huy động vốn và phát hành vốn mới trong trường hợp cần thiết.

Theo Báo cáo thường niên niên độ tài chính 2014 - 2015 của Công ty cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (HOSE: mã HSG), Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông kế hoạch kinh doanh hợp nhất niên độ tài chính năm 2014 - 2015 với doanh thu thuần 1.510 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất 450 tỷ đồng. Lũy kế cả niên độ tài chính 2013 - 2014 (từ 1/10/2013 tới 30/9/2014), Công ty đạt 15.005 tỷ đồng doanh thu, tăng 28% và 410,3 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, giảm 29% so với cùng kỳ năm trước. So với kế hoạch năm, doanh thu thuần vượt 7% nhưng lợi nhuận chỉ bằng 68% kế hoạch.

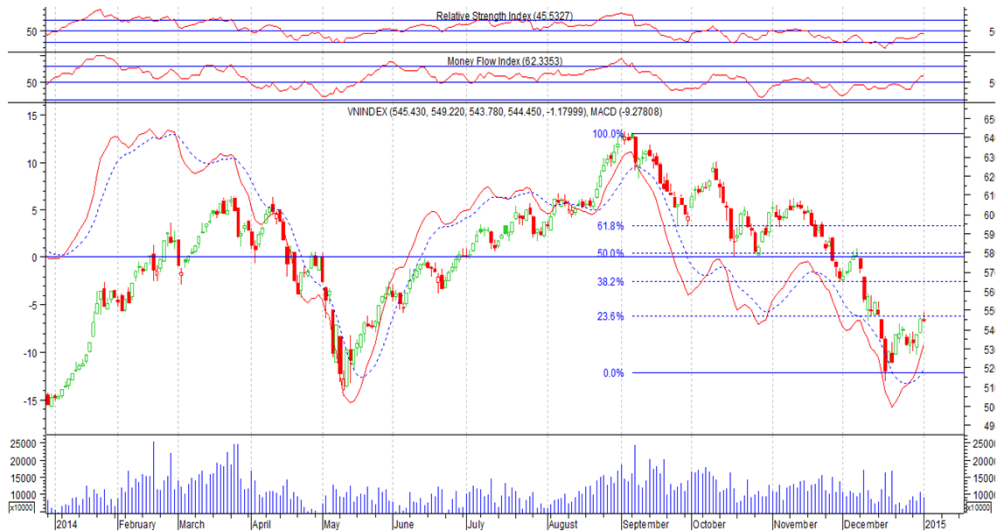
**HOSE** 05/01/2015 VNINDEX 544.45 -1.18 -0.22% 95,949,953 CP 1,484.84 bil VND

### Phiên giao dịch đầu tiên của năm 2015 khép lại trong sắc đỏ

VN-Index giảm 1.18 điểm (- 0.22%), đóng cửa tại mức 544,45 điểm. Nền Bông trên dài đã xuất hiện khi VN-Index chạm ngưỡng kháng cự của Fibonacci 23,6%.

- MACD và chỉ số dòng tiền MFI vẫn tiếp tục tăng nhẹ mặc dù RSI giảm nhẹ cho thấy sự lưỡng lự.

- Cùng với sự suy giảm khối lượng khi Vn-Index tiến về mức kháng cự 550 cho thấy khả năng sẽ có sự giằng co. VN-Index khó có khả năng tăng qua ngưỡng này.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.1 (0.9%)	18,813,440
OGC	0.2 (2.8%)	8,160,520
ITA	0 (0.0%)	5,503,210
VHG	0.1 (0.8%)	4,621,640
PVT	-0.4 (-2.9%)	2,574,600

### HOSE Top 5 theo % tăng

NKG	0.9 (6.7%)	171,910
HAI	1 (6.7%)	375,900
BT6	0.5 (6.7%)	32,320
KSA	0.6 (6.7%)	1,195,150
VSI	0.7 (6.6%)	1,090

### HOSE Top 5 theo % giảm

SII	-1.7 (-7.0%)	560
TMS	-3.4 (-6.8%)	10
PGI	-0.7 (-6.6%)	3,480
PNC	-0.8 (-6.5%)	710
VNG	-0.9 (-6.4%)	1,260

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	9,0 tỷ	107,650
GAS	6,5 tỷ	93,630
KBC	5,0 tỷ	314,200
HAG	4,6 tỷ	207,040
ITA	4,6 tỷ	575,250

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KDC	-21,4 tỷ	423,570
VIC	-3,4 tỷ	72,350
BVH	-2,7 tỷ	81,000
PGD	-1,9 tỷ	62,150
CSM	-1,7 tỷ	40,710

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,390,067	14.80

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index có lúc bật tăng vượt qua mốc 549, tuy nhiên giao dịch chững lại, áp lực bán gia tăng làm các trụ cột thoái lui khiến chỉ số giảm điểm vào cuối phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm gần 96 triệu đơn vị, tương đương với giá trị giao dịch đạt gần 1484 tỷ đồng. Đáng chú ý là FLC, OGC, ITA... dẫn đầu về khối lượng
- ▶ Các cổ phiếu trụ cột không giữ được mức trên tham chiếu như GAS giảm 1500đ, PVD giảm mạnh 3500đ...BVH tăng 1300đ, MSN tăng 500đ...
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng phiên thứ 9 tuy nhiên giá trị mua ròng nhỏ chỉ đạt giá trị là 14,8 tỷ. Và mua ròng ở các mã như MSN, GAS, KBC, HAG...
- ▶ Nhận định: Thị trường đang giằng co tại ngưỡng kháng cự. Nhà đầu tư nên quét sát chờ tín hiệu rõ ràng hơn. Giảm tỷ trọng cổ phiếu đầu cơ...

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	69.0	130,755.00	11.6	3.8	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	96.0	96,011.39	16.4	5.3	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	31.9	85,014.15	18.5	2.0	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.6	69,236.82	17.9	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	83.5	61,439.98	- 480.1	4.3	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	13.9	51,755.32	9.5	0.9	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	12.9	36,264.51	8.0	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	53.0	25,541.13	8.1	2.2	30.2%	14.7%
BVH	680.5	33.3	22,659.70	17.3	1.8	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	17.5	19,993.95	8.4	1.2	14.3%	1.4%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

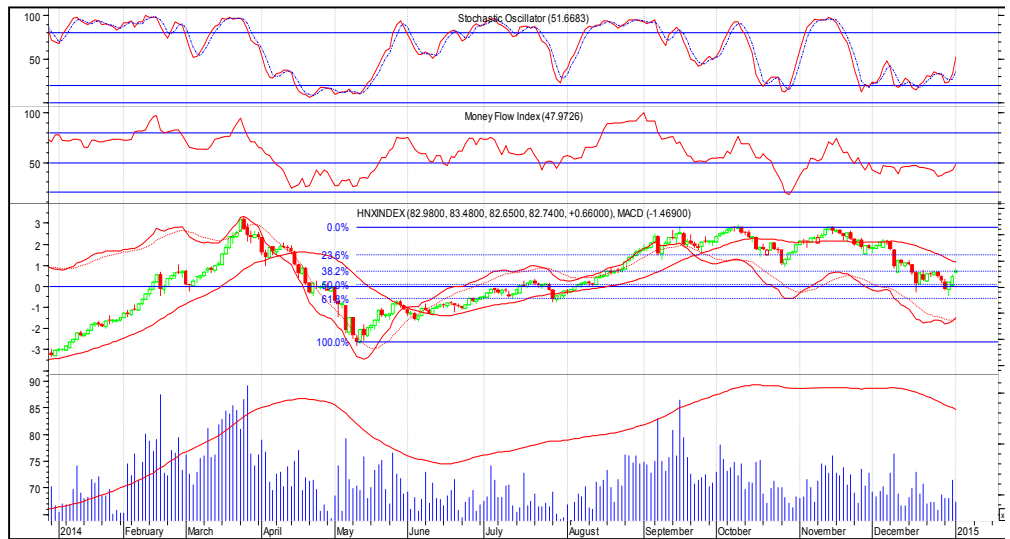
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	100.1	10.5	1,050.70	13.5	0.9	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.0	800.94	22.2	0.8	NA	TH.DOI
CII	115.6	20.3	2,346.01	7.3	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	73.5	3,342.67	9.3	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.7	710.78	6.3	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.7	571.53	1.8	0.9	NA	TH.DOI

**HNX** 05/01/2015 HNX-Index 82.74 -0.24 -0.29% 52,917,192 CP 703.61 bil. VND

### Phiên giao dịch đầu tiên của năm 2015 khép lại trong sắc đỏ

Chỉ số HNX-Index giảm 0.22 điểm (0.29%), đóng cửa tại mốc 82.74 điểm. Nền Bravestone Doji hình thành cho thấy tín hiệu đảo chiều, tuy nhiên bóng nến không dài nên mức độ tin cậy thấp.

- Stochastic Oscillator và chỉ số dòng tiền tiếp MFI tục gia tăng mạnh
- MACD tăng nhẹ, khối lượng sụt giảm mạnh ở ngưỡng kháng cự của Fibonacci 38,2%.
- HNX-Index sẽ giảm cơ để test lại ngưỡng kháng cự gần nhất.



### HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.4 (8.3%)	8,377,180
KLF	-0.2 (-1.8%)	6,523,740
SCR	0 (0.0%)	3,952,160
FIT	1.6 (9.6%)	2,644,060
SHB	0 (0.0%)	2,251,610

### HNX Top 5 theo % tăng

CTB	4.5 (14.8%)	-
ITQ	2.9 (10.0%)	753,400
SDG	2 (10.0%)	100
HGM	4.8 (9.9%)	3,200
TPH	0.7 (9.7%)	100

### HNX Top 5 theo % giảm

HCT	-1.2 (-10.0%)	5,100
HTP	-0.9 (-10.0%)	10,700
VC9	-0.7 (-9.7%)	200
KTS	-1.3 (-9.6%)	100
TMX	-1.3 (-9.6%)	200

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

SHB	4,2 tỷ	508,700
PVS	2,3 tỷ	88,500
VCG	1,5 tỷ	120,900
NTP	0,5 tỷ	8,700
SCR	0,2 tỷ	21,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

LAS	-2,2 tỷ	62,000
KLS	-0,3 tỷ	31,000
BVS	-0,2 tỷ	16,500
FIT	-0,1 tỷ	8,000
NET	-0,1 tỷ	4,700

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	690,400	6.29

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Liên tục đổi màu trong phiên, mặc dù không bị quan, nhưng tâm lý nhà đầu tư khá thận trọng. Chốt phiên chỉ số HNX-Index giảm nhẹ.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh gần 43 triệu đơn vị. Thanh khoản yếu cho thấy NĐT khá dè dặt. PVX dẫn đầu về khối lượng giao dịch, tiếp đến là KLF...
- ▶ PVX lợi ngược tăng điểm và đóng cửa ở mức giá trần 400đ/CP, song sự giảm điểm đồng loạt từ các cổ phiếu chủ chốt như PVS, VCG, ACB, BVS...
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng nhẹ, giá trị mua ròng đạt 6.29 tỷ. Các cổ phiếu được mua ròng nhiều là PVS, SHB, VCG... bán ròng nhiều là LAS...
- ▶ Nhận định: Thị trường đang giằng co tại ngưỡng kháng cự. Nhà đầu tư nên quét sát chờ tín hiệu rõ ràng hơn. Giảm tỷ trọng cổ phiếu đầu cơ...

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.3	13,919.64	25.9	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	26.0	11,614.21	7.2	1.4	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	-	69.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.1	7,177.28	8.9	0.7	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.4	5,477.21	8.5	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.8	4,007.82	12.8	0.7	5.1%	1.8%
VNR	131.1	22.9	3,001.64	10.4	1.3	12.8%	5.4%
NTP	56.3	53.0	2,985.98	7.6	2.2	23.4%	14.9%
LAS	77.8	35.3	2,747.47	7.6	2.1	25.6%	14.6%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	26.5	1,007.00	6.3	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	13.8	546.48	5.2	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	12.5	1,937.48	10.9	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.0	2,985.98	7.6	2.2	NA	TH.DOI
PVC	50.0	24.2	1,210.00	6.3	1.4	NA	TH.DOI
DXP	7.9	42.0	330.75	8.1	1.5	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,439.98	15.22%	83.5	- 480.11	4.26	373,393	297,206	218,315
VIC	HOSE	1,454.6	69,236.82	12.53%	47.6	17.86	3.77	836,945	935,075	1,243,152
PVD	HOSE	303.0	18,485.25	11.71%	61.0	8.16	1.77	938,759	1,148,833	808,764
HPG	HOSE	481.9	25,541.13	11.57%	53.0	8.08	2.23	409,208	476,743	521,397
HAG	HOSE	789.9	17,535.76	7.45%	22.2	9.28	1.20	2,676,317	3,081,495	3,237,193
KDC	HOSE	255.2	12,885.64	7.00%	50.5	20.52	1.88	925,080	1,071,889	1,039,694
STB	HOSE	1,142.5	19,993.95	5.69%	17.5	8.40	1.16	4,199,047	2,244,288	945,024
VCB	HOSE	2,665.0	85,014.15	5.16%	31.9	18.49	1.97	1,411,283	1,124,950	560,790
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	4.04%	31.2	9.77	1.27	615,651	764,334	623,253
KBC	HOSE	389.8	6,080.26	2.83%	15.6	14.70	1.19	2,305,230	2,594,792	4,007,577
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	2.64%	8.0	47.10	0.73	5,239,847	5,863,416	5,635,404
HSG	HOSE	96.3	4,526.72	1.95%	47.0	11.15	1.92	37,376	115,607	239,416
BVH	HOSE	680.5	22,659.70	1.83%	33.3	17.32	1.82	617,441	378,589	265,160
HVG	HOSE	132.0	3,537.59	1.55%	26.8	12.09	1.46	1,129,483	1,074,072	1,371,932
FLC	HOSE	314.9	3,463.83	1.53%	11.0	6.39	0.90	10,034,461	10,709,792	14,051,568
PPC	HOSE	318.2	8,621.99	1.47%	27.1	11.54	1.56	1,000,102	855,212	457,309
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.41%	56.0	13.46	3.25	224,023	167,480	115,325
PVT	HOSE	255.9	3,479.66	1.37%	13.6	12.13	1.17	3,290,519	2,798,327	2,333,919
CSM	HOSE	67.3	2,812.81	1.32%	41.8	8.25	2.26	73,526	59,626	102,274
VSH	HOSE	206.2	2,804.88	1.16%	13.6	19.01	1.03	911,134	606,094	498,988
OGC	HOSE	300.0	2,190.00	0.56%	7.3	12.36	0.65	6,128,656	5,678,633	5,923,260

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,439.98	8.53%	83.5	- 480.11	4.26	373,393	297,206	218,315
VIC	HOSE	1,454.6	69,236.82	7.57%	47.6	17.86	3.77	836,945	935,075	1,243,152
VCB	HOSE	2,665.0	85,014.15	7.13%	31.9	18.49	1.97	1,411,283	1,124,950	560,790
STB	HOSE	1,142.5	19,993.95	6.62%	17.5	8.40	1.16	4,199,047	2,244,288	945,024
PVS	HNX	446.7	11,614.21	5.75%	26.0	7.24	1.38	2,766,025	3,331,985	2,640,528
BVH	HOSE	680.5	22,659.70	4.51%	33.3	17.32	1.82	617,441	378,589	265,160
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	4.25%	31.2	9.77	1.27	615,651	764,334	623,253
HAG	HOSE	789.9	17,535.76	4.04%	22.2	9.28	1.20	2,676,317	3,081,495	3,237,193
PVD	HOSE	303.0	18,485.25	3.90%	61.0	8.16	1.77	938,759	1,148,833	808,764
PPC	HOSE	318.2	8,621.99	3.14%	27.1	11.54	1.56	1,000,102	855,212	457,309
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	3.29%	8.0	47.10	0.73	5,239,847	5,863,416	5,635,404
FLC	HOSE	314.9	3,463.83	2.85%	11.0	6.39	0.90	10,034,461	10,709,792	14,051,568
SHB	HNX	886.1	7,177.28	2.54%	8.1	8.87	0.69	4,754,120	4,776,855	3,878,559
VCG	HNX	441.7	5,477.21	2.12%	12.4	8.49	0.99	1,314,807	1,570,580	1,459,774
PVT	HOSE	255.9	3,479.66	1.78%	13.6	12.13	1.17	3,290,519	2,798,327	2,333,919
OGC	HOSE	300.0	2,190.00	143.00%	7.3	12.36	0.65	6,128,656	5,678,633	5,923,260
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.00%	56.0	13.46	3.25	224,023	167,480	115,325
IJC	HOSE	274.2	3,838.72	0.65%	14.0	21.85	1.28	329,803	638,758	595,561
PVX	HNX	400.0	2,080.00	0.00%	5.2	- 2.10	2.08	4,639,488	4,674,475	5,668,179

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	69,236.82	0.00%	47.6	17.86	3.77	836,945	935,075	1,243,152
MSN	HOSE	735.8	61,439.98	0.00%	83.5	- 480.11	4.26	373,393	297,206	218,315
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	0.00%	31.2	9.77	1.27	615,651	764,334	623,253
HAG	HOSE	789.9	17,535.76	0.00%	22.2	9.28	1.20	2,676,317	3,081,495	3,237,193
VCB	HOSE	2,665.0	85,014.15	0.00%	31.9	18.49	1.97	1,411,283	1,124,950	560,790
STB	HOSE	1,142.5	19,993.95	0.00%	17.5	8.40	1.16	4,199,047	2,244,288	945,024
BVH	HOSE	680.5	22,659.70	0.00%	33.3	17.32	1.82	617,441	378,589	265,160
CTG	HOSE	3,723.4	51,755.32	0.00%	13.9	9.46	0.94	144,734	223,076	243,783
GAS	HOSE	1,895.0	130,755.00	0.00%	69.0	11.58	3.78	445,438	655,372	518,303

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,439.98	4.01%	83.5	- 480.11	4.26	373,393	297,206	218,315
VIC	HOSE	1,454.6	69,236.82	2.27%	47.6	17.86	3.77	836,945	935,075	1,243,152
PVD	HOSE	303.0	18,485.25	4.39%	61.0	8.16	1.77	938,759	1,148,833	808,764
STB	HOSE	1,142.5	19,993.95	0.89%	17.5	8.40	1.16	4,199,047	2,244,288	945,024
VCB	HOSE	2,665.0	85,014.15	1.28%	31.9	18.49	1.97	1,411,283	1,124,950	560,790
BVH	HOSE	680.5	22,659.70	1.79%	33.3	17.32	1.82	617,441	378,589	265,160

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,894	6.7	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,534	9.3	1.5	17.0%	10.7%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,958	14.4	0.9	5.7%	2.2%
Sản xuất giấy	850	6.2	1.0	14.3%	7.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,971	12.6	1.9	22.6%	10.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,965	3.6	1.0	21.6%	5.2%
Khai khoáng	12,283	88.0	6.3	-4.3%	-3.5%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,615	14.0	1.5	13.8%	7.6%
Xây dựng	31,047	29.9	1.1	1.4%	2.3%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,142	9.3	1.1	16.0%	8.0%
Công nghiệp phức hợp	975	6.4	1.0	17.0%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,588	7.9	1.5	18.6%	6.5%
Thiết bị điện	2,187	-	33.6	1.7	3.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	73	23.9	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,735	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,382	-	2.8	0.9	4.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,443	8.3	1.5	18.6%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,806	5.8	1.6	23.0%	13.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,679	18.6	1.9	8.6%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	243	12.6	0.8	7.1%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	192	8.8	0.9	13.0%	5.1%
Chất thải & Môi trường	220	3.3	1.0	33.2%	15.4%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,266	13.5	1.3	14.8%	7.3%
Lốp xe	8,261	10.6	2.8	25.5%	11.0%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,796	8.0	1.4	18.0%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	329	16.6	2.2	14.9%	10.0%
Đồ uống & giải khát	232	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,251	10.9	2.1	22.5%	7.6%
Thực phẩm	184,566	23.7	4.4	18.3%	14.1%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	64	18.0	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,676	7.3	1.2	18.8%	9.0%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	538	64.9	1.4	2.6%	1.8%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,618	8.3	1.6	19.4%	7.6%
Giày dép	12	-	1.7	0.7	-33.3%
Hàng cá nhân	6,308	10.6	2.0	18.8%	9.6%
Thuốc lá					
Thuốc lá	799	-	11.9	1.1	3.6%

05 January 2015

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,879	9.5	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	167	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	212	9.1	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,847	12.6	2.9	22.4%	14.8%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	208	33.1	0.7	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	738	10.3	1.2	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,684	9.3	1.6	19.1%	3.5%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,152	9.4	1.0	10.0%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,658	55.5	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,569	20.8	1.3	9.9%	8.3%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,652	17.9	3.3	23.3%	20.1%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	725	10.8	0.9	8.9%	3.3%
Internet	437	92.2	1.1	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,805	10.0	2.1	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	471	16.1	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	293	5.6	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	14,075	37.5	7.5	34.4%	11.5%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,972	10.4	1.5	15.7%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	139,454	11.4	3.7	32.3%	21.9%
Nước	1,257	6.7	1.1	16.9%	11.7%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,524	9.1	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,674	11.4	0.7	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	3,316	10.4	1.3	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	21,775	17.3	1.8	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,469	8.9	1.2	15.5%	10.2%
Môi giới chứng khoán	25,677	11.0	1.4	11.0%	7.4%
Ngân hàng					
Ngân hàng	246,801	11.7	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	157,979	15.5	2.5	17.6%	4.5%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.6	32.7%	12.3%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,055	7.7	1.6	22.0%	9.3%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.